

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 564/BCT-TTTN*V/v điều hành kinh doanh xăng dầu**Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2016***Kính gửi:** Các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Công Thương - Tài chính Quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2014/TTLT-BCT-BTC);

Căn cứ Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống;

Căn cứ công văn số 17444/BTC-QLG ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về tỷ giá ngoại tệ để tính giá cơ sở;

Căn cứ Luật số 70/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;

Căn cứ thực tế diễn biến giá thành phẩm xăng dầu thế giới kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến hết ngày 18 tháng 01 năm 2016 (sau đây gọi tắt là kỳ công bố) và căn cứ nguyên tắc tính giá cơ sở theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC;

Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường, như sau:

<i>Mặt hàng</i>	<i>Giá cơ sở kỳ trước liền kề, điều hành ngày 04/01/2016 (đồng/lít,kg)</i>	<i>Giá cơ sở kỳ công bố² (đồng/lít,kg)</i>	<i>Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liền kề (đồng/lít,kg)</i>	<i>Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liền kề (%)</i>
	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=[(3):(1)]x100
1. Xăng RON 92	16.032	15.442	-590	-3,68
2. Xăng E5	15.339	14.759	-580	-3,78
3. Dầu diesel 0.05S	11.119	10.207	-912	-8,21
4. Dầu hỏa	10.274	9.388	-886	-8,63
5. Dầu Madút 180CST 3.5S	7.546	7.245	-301	-3,99

Trước những diễn biến giá thành phẩm xăng dầu thế giới trong thời gian gần đây và thực hiện điều hành giá xăng dầu theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, Liên Bộ Công Thương - Tài chính quyết định:

1. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

Giữ nguyên mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các mặt hàng xăng dầu như hiện hành.

2. Giá bán xăng dầu

Sau khi thực hiện việc trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại Mục 1 nêu trên, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường không cao hơn giá cơ sở:

- Xăng RON 92: không cao hơn 15.442 đồng/lít;
- Xăng E5: không cao hơn 14.759 đồng/lít;
- Dầu diesel 0.05S: không cao hơn 10.207 đồng/lít;
- Dầu hỏa: không cao hơn 9.388 đồng/lít;
- Dầu mazút 180CST 3.5S: không cao hơn 7.245 đồng/kg.

3. Thời gian thực hiện

- Trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các mặt hàng xăng dầu: Áp dụng từ 15 giờ 00 ngày 19 tháng 01 năm 2016.

- Điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu: Do thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu quy định nhưng không muộn hơn 15 giờ 00 ngày 19 tháng 01 năm 2016.

- Kể từ 15 giờ 00 ngày 19 tháng 01 năm 2016, là thời điểm Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ công bố tại Công văn này cho đến trước ngày Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ kế tiếp, việc điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu do thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu quyết định phù hợp với các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư Liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC.

Bộ Công Thương thông báo để các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu biết, thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện về Liên Bộ Công Thương - Tài chính để giám sát theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương (b/c);
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Quản lý Giá, Thanh tra Bộ (BTC);
- Cục Quản lý thị trường (BCT);
- Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam (để biết);
- Lưu: VT, TTTN.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Lộc An

Giá thành phẩm xăng dầu thế giới 15 ngày*

(04/01/2016 - 18/01/2016)

TT	Ngày	X92	Dầu hỏa	Do0,05	FO 3,5S	VCB mua CK	VCB bán
1	04/01/16	52.630	43.340	42.310	169.860	22,450	22,540
2	05/01/16	53.550	43.070	42.160	166.790	22,450	22,505
3	06/01/16	51.770	42.950	41.940	162.930	22,450	22,510
4	07/01/16	48.000	39.710	38.850	150.440	22,450	22,540
5	08/01/16	49.820	40.850	39.730	160.460	22,450	22,510
6	09/01/16						
7	10/01/16						
8	11/01/16	47.910	39.570	38.190	150.370	22,470	22,490
9	12/01/16	47.910	37.860	36.030	144.990	22,470	22,450
10	13/01/16	47.440	38.290	35.980	141.830	22,470	22,455
11	14/01/16	46.460	36.730	34.770	137.160	22,470	22,480
12	15/01/16	45.650	36.570	34.940	142.260	22,470	22,460
13	16/01/16						
14	17/01/16						
15	18/01/16	43.380	34.560	32.970	138.130	22,410	22,420
	Bquân	48.593	39.409	37.988	151.384	22,455	22,487

* Giá thành phẩm xăng dầu được giao dịch thực tế trên thị trường Singapore và lấy theo mức giá giao dịch bình quân hàng ngày (MOP's: Mean of Platt of Singapore) được công bố bởi Hãng tin Platt's (Platt Singapore).

^{1,2} Tính trên cơ sở mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu theo quy định là 300 đồng/lít xăng khoáng, 0 đồng/lít xăng E5, 300 đồng/lít diesel, 300 đồng/lít dầu hỏa, 300 đồng/kg dầu madút.